



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thẩm định giá bất động sản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	01					ĐK
2	000002	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	01	1	2,5	1	Hòa	chấn
3	000003	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	01					vắng
4	000004	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	01	2	1,5	1	Thanh	chấn
5	000005	1101011259	Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	01	3	5,5	1	Anh	lẻ
6	000006	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	01	4	4,5	1	Quỳnh	chấn
7	000007	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	01					ĐK
8	000008	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	01	5	0,5	1	Anh	chấn
9	000009	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	01	6	4,3	1	Anh	lẻ
10	000010	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	01	7	5,3	1	Bùi	chấn
11	000011	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	01	8	5,8	1	Chinh	lẻ
12	000012	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	01	9	3,5	1	Cường	chấn
13	000013	1101011372	Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	01	10	8,0	1	Đạo	lẻ
14	000014	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	01	11	3,0	1	Đạt	chấn
15	000015	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH11A	01					HP,ĐK
16	000016	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	01					ĐK
17	000017	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	01	12	2,0	1	Dương	lẻ
18	000018	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	01	13	0,5	1	Dương	chấn
19	000019	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	01	14	2,5	1	Dương	lẻ
20	000020	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	01	15	0,8	2	Giang	chấn
21	000021	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	01	16	5,3	1	Hương	lẻ
22	000022	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01					vắng
23	000023	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	01	17	4,8	1	Hòa	lẻ
24	000024	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	01	18	0,5	1	Hồng	chấn
25	000025	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	01	19	4,5	1	Hoàng	lẻ
26	000026	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	01	20	3,8	1	Hùng	chấn
27	000027	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	01	21	4,5	1	Hùng	lẻ
28	000028	1101011279	Nguyễn Khải	Hung	07/10/2005	NH11A	01	22	2,3	1	Hung	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	01	23	2,0	1	Huyền	lẻ
30	000030	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01	24	1,8	1	Khang	chẵn
31	000031	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	01	25	3,8	1	khánh	lẻ
32	000032	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	01	26	2,3	1	Khánh	chẵn
33	000033	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 26...

Tổng số tờ giấy thi: 26...

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 9... tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Tâm Thị

Nguyễn Thị Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Thẩm định giá bất động sản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	01	27	8,3	2	Lam	chấn
2	000035	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	01	28	4,3	1	Linh	lẻ
3	000036	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	01	29	3,8	1	Liê	chấn
4	000037	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	01	30	6,8	1	linh	lẻ
5	000038	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01	31	2,3	1	Linh	chấn
6	000039	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	01	32	6,0	1	Lin	lẻ
7	000040	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	01	33	3,0	1	Linh	chấn
8	000041	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH11A	01					HP,ĐK
9	000042	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	01	34	4,8	1	linh	chấn
10	000043	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	01	35	1,8	1	Minh	lẻ
11	000044	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	01	36	1,2	1	My	chấn
12	000045	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	01	37	1,2	1	Min	lẻ
13	000046	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	01	38	3,5	1	Đo	chấn
14	000047	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	01	39	0,5	1	Ngoc	lẻ
15	000048	1101010874	Nguyễn Trần Thống Nhất		19/01/2005	NH11A	01	40	6,8	1	Thống	chấn
16	000049	1101010875	Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	01	41	2,0	1	Nhi	lẻ
17	000050	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	01	42	3,5	1	Như	chấn
18	000051	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	01	43	2,8	1	Shung	lẻ
19	000052	1101011399	Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	01	44	4,3	1	Phuong	chấn
20	000053	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	01	45	1,3	1	Quân	lẻ
21	000054	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	01	46	5,3	1	Quang	chấn
22	000055	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	01	47	Không	1	Quang	lẻ
23	000056	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	01	48	5,3	1	Quỳnh	chấn
24	000057	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	01	49	4,8	1	Quỳnh	lẻ
25	000058	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	01	50	6,3	1	Thảo	chấn
26	000059	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	01	51	2,0	1	Thiên	lẻ
27	000060	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	01	52	2,5	1	Toàn	chấn
28	000061	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	01	53	6,0	1	Trang	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000062	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	01	54	4,8	1	Trần Chấn	chấn
30	000063	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	01	55	4,3	1	Vân	le?
31	000064	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	01					HP,ĐK
32	000065	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	01	56	3,5	1	Vượng	le
33	000066	1101011326	Trần Thị Hải	Yến	29/11/2003	NH11A	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:...20...

Tổng số tờ giấy thi:...31..

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 09... tháng 01... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

By
Bùi Thị Yến

Lưu
phạm Thị loan